TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2024/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2023giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thu V, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-8-2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu V trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Trần Văn H tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X vào ngày 25/5/2005. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không

ai mai mối, ép buộc. Sau khi kết hôn bà V và ông H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H thường hay nhậu và mỗi lần nhậu thì ông H chửi bới thậm chí còn hành hung bà V. Hiện nay, bà V và ông H không còn chung sống với nhau nữa, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn liên quan gì đến tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà V xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 07/3/2006 và Trần Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 13/3/2013. Hiện cháu T đã thành niên. Bà V yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và trong quá trình tố tụng tại Toà bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà V chung sống với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X. Hôn nhân giữa ông và bà V là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì ông và bà V chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông đi làm thợ hồ nên thi thoảng có nhậu nhưng không thường xuyên, mỗi lần nhậu về bà V hay chửi bới nên những lúc nóng tính ông có lời qua tiếng lại và có xảy ra xung đột và có xảy ra xô sát với bà V nhưng không đáng kể cũng vì ông H có thấy bà V nhắn tin qua lại với người đàn ông khác. Hiện nay ông và bà V không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà V yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì bản thân ông muốn cùng bà V xây dựng hạnh phúc và cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về nuôi con chung: Ông H và bà V có 02 con chung là Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 07/3/2006 và Trần Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 13/3/2013. Hiện cháu T đã thành niên. Ông H đồng ý để bà V nuôi cháu N và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó đến 23-12-2024 ông H khai không ly hôn với bà V, ảnh hưởng đến tương lai, học hành của 02 con sau này.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà V vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị Thu V yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Trần Văn H nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn ông H có địa chỉ cư trú tại huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà V vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của kiểm sát viên tại phiên toà: Ngày 20/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc có Công văn số 29/CV-VKS về việc không tham gia phiên toà do vụ án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện X không tham gia phiên toà.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà V và ông Hải đăng K hôn vào ngày 25/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo bà V vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình tình không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H thường hay nhậu và còn có hành vi chửi bới, hành hung đối với bà V. Còn theo ông H vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do mỗi lần ông H đi nhậu về thì bà V không những không thông cảm mà còn có lời lẽ chửi bới, xúc phạm ông H nên vợ chồng thường lời qua tiếng lại. Hơn nữa, nhiều lần ông H thấy bà V nhắn tin qua lại người người đàn ông khác và ông H có góp ý nhưng bà V không thay đổi.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân bắt nguồn từ tình cảm tự nguyện của hai bên và bền chặt được cũng dựa trên sự tồn tại của cảm xúc, tình cảm tự nguyện từ hai phía, một trong hai bên dù có quyết tâm, tình cảm đến đâu mà phía còn lại không còn, không tự nguyện đều không đạt được mục đích của hôn nhân là sự chia sẽ, cảm thông, hòa hợp và hạnh phúc. Bà V và ông H đưa ra nhiều nội dung không thống nhất về nguyên nhân, lý do vợ chồng mâu thuẫn nhưng xác định vợ chồng mâu thuẫn là có thật. Tại Tòa, bà V khẳng định không còn tình cảm với ông H và cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông H là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông, bà không chung sống cùng nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông H.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà V và ông H khẳng định có 02 con chung là là Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 07/3/2006 và Trần Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 13/3/2013. Hiện cháu T đã thành niên. Cháu N đang sống cùng bà V. Bà V yêu cầu nuôi dương cháu N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại buổi làm việc ngày 16-12-2024 ông H đồng ý để bà V nuôi cháu N và ông H cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó ông H có bản khai không đồng ý ly hôn vì ảnh hưởng đến tương lai của con chung mà không nói về việc ai sẽ nuôi cháu N nếu Toà án giải quyết ly hôn. Toà án đã triệu tập ông H nhiều lần tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông H về việc nuôi dưỡng cháu N.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi bà V và ông H không sống chung với nhau thì cháu N do bà V chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu N đều phát triển tốt. Mặt khác, cháu N có nguyện vọng được ở với bà V. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho các con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà V. Giao con chung Trần Hoàng Quỳnh N cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản:* Bà V và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đình về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị Thu V ly hôn ông Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Bà Hoàng Thị Thu V và ông Trần Văn H có 02 con chung Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 07/3/2006 và Trần Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 13/3/2013. Cháu T đã thành niên.

Bà Hoàng Thị Thu V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng Quỳnh N. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Bà V và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị Thu V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005088 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA